

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam biến động giằng co và giảm điểm vào cuối phiên sau khi Bộ trưởng Bộ Y tế nhận định dịch bệnh không thể kết thúc trong 6 tháng đầu năm

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL giao dịch giằng co và giảm nhẹ trước diễn biến trái chiều của TTCK thế giới

## [Thông tin doanh nghiệp]

VGC, PLX

## [Cập nhật công ty]

HPG

## [Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị tiếp tục duy trì vị thế trung hạn và có thể kết hợp trading 1 phần, đồng thời cân bằng lại vị thế ngắn hạn khi chỉ số tiếp cận vùng cản gần

19/02/2021

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,173.50	-0.07
VN30	1,180.59	-0.62
HĐTL VN30F1M	1,178.00	-0.83
HNXIndex	231.18	+0.10
HNX30	353.35	+0.09
UPCoM	76.13	+1.04
USD/VND	23,015	+0.02
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.23	-2
Lãi suất qua đêm (%)	0.99	-24
Dầu (WTI, \$)	58.97	-2.56
Vàng (LME, \$)	1,774.34	-0.07



# Điểm nhấn thị trường

**VNIndex** 1,173.50 (-0.07%)

**KLGD (triệu CP)** 578.3 (+3.1%)

**GTGD (triệu US\$)** 640.7 (-2.6%)

**HNXIndex** 231.18 (+0.10%)

**KLGD (triệu CP)** 100.5 (-19.4%)

**GTGD (triệu US\$)** 74.9 (-18.5%)

**UPCoM** 76.13 (+1.04%)

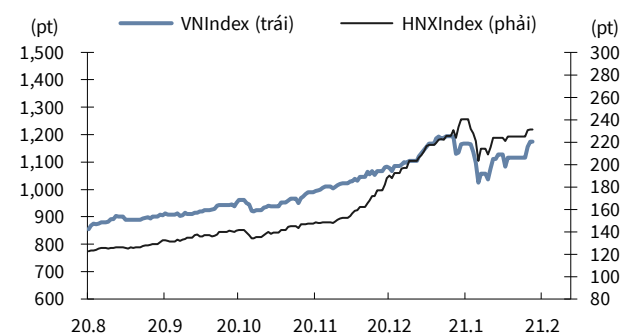
**KLGD (triệu CP)** 72.4 (+25.8%)

**GTGD (triệu US\$)** 32.9 (-5.0%)

**NĐTNN mua ròng (triệu US\$)** -0.5

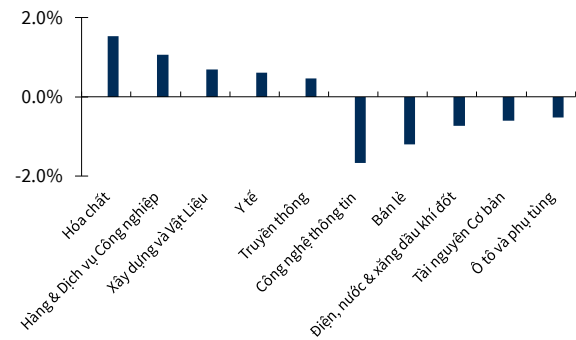
TTCK Việt Nam biến động giằng co và giảm điểm vào cuối phiên sau khi Bộ trưởng Bộ Y tế nhận định dịch bệnh sẽ không thể kết thúc trong 6 tháng đầu năm. Thông tin trên tác động tiêu cực đến cổ phiếu hàng không HVN (-1.3%), VJC (0%). Phó chủ tịch Hội Môi giới bất động sản Việt Nam cho biết, nguồn cung căn hộ cả nước năm 2021 dự báo sẽ tăng mạnh so với năm 2020 giúp cổ phiếu nhóm bất động sản tăng giá như DIG (+2.1%), HDG (+2.1%). Giá gỗ cứng xẻ tại Mỹ đã vượt 1,000 USD cho mỗi 1,000 Board foot, gấp đôi mức giá cách đây 3 tháng và là một kỷ lục do nhu cầu nhà ở cao, lãi suất thấp và sự bùng nổ trong việc tu sửa nhà tác động tích cực đến cổ phiếu ngành gỗ ở PTB (+3.4%). Cổ phiếu bất động sản khu công nghiệp tăng giá SIP (+2.3%), NTC (+1.1%) trước thông tin Colliers International dự báo BĐS công nghiệp và logistics sẽ giữ mức giá thuê tăng ổn định, nhu cầu tiếp tục cao trong năm 2021. Khối ngoại bán ròng ở VNM (-0.9%), CTG (+0.5%), HSG (+1.0%).

## VNIndex & HNXIndex



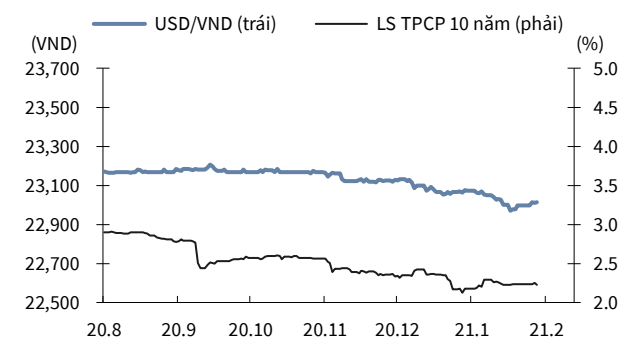
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Biến động nhóm ngành



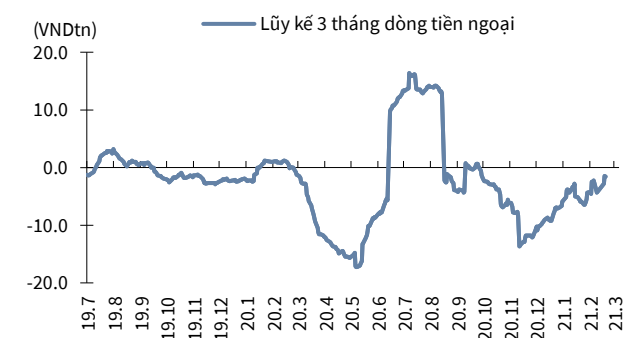
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

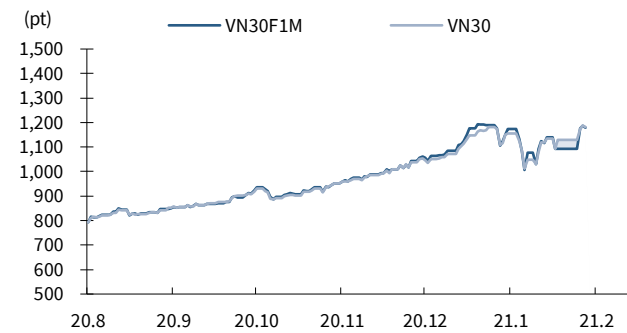
# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>1,180.59 (-0.62%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>1,178.0 (-0.83%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>1,176.0</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,193.3</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>1,168.9</b>

HĐTL giao dịch giằng co và giảm nhẹ trước diễn biến trái chiều của TTCK thế giới. Chênh lệch F2103 và VN30 mở cửa ở mức -11.9 trước khi giao động quanh vùng 0 và 9.3, đóng cửa ở -2.59. NĐTNN bán ròng nhẹ trong phiên hôm nay. Thanh khoản thị trường được cải thiện.

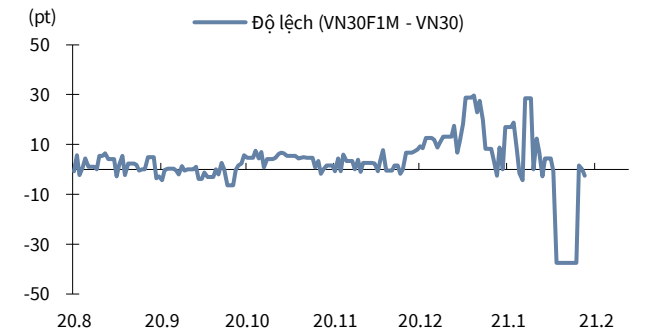
<b>KLGD (HĐ)</b>	<b>168,876 (-1.9%)</b>
------------------	------------------------

### HĐTL VN30F1M & VN30



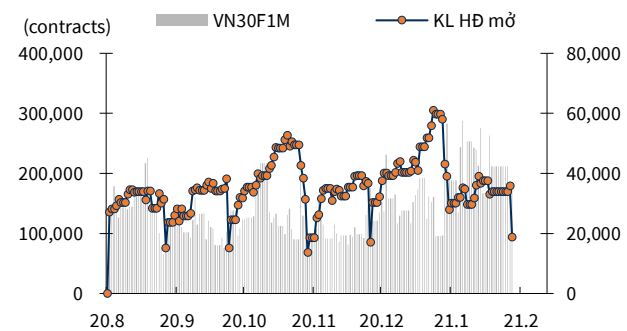
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

### Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



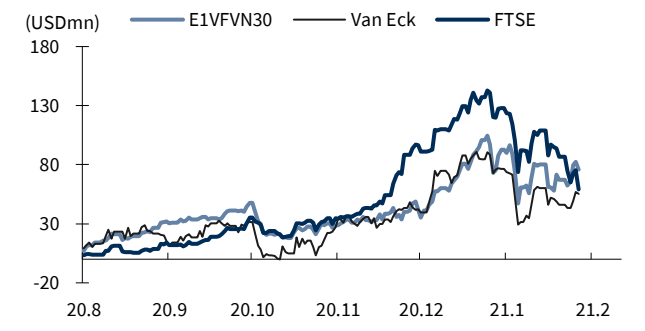
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

### KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

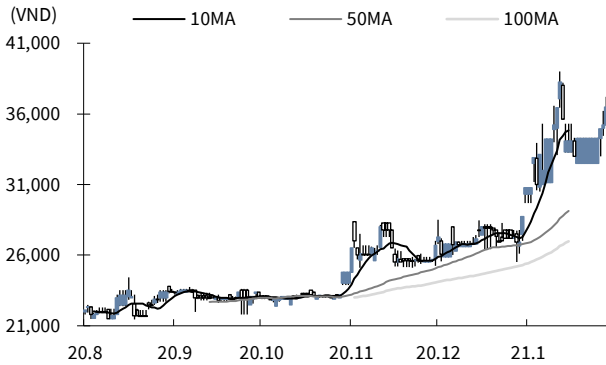
### Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

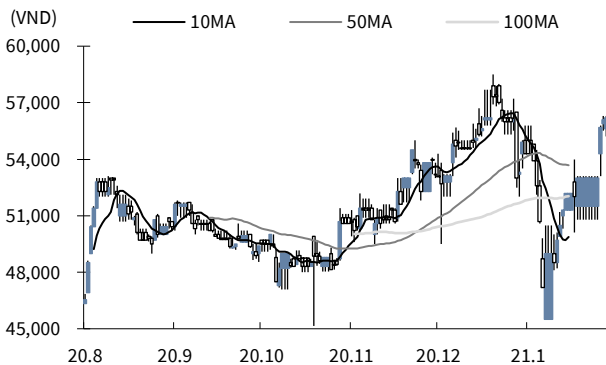
## Viglacera (VGC)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VGC tăng 3.7% lên 36,500 VNĐ/cp.
- Thủ tướng vừa quyết định chủ trương đầu tư dự án phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Thuận Thành I của VGC. Dự án có diện tích gần 250 ha với vốn đầu tư dự án gần 2,848 tỷ đồng, trong đó vốn góp của nhà đầu tư gần 860 tỷ đồng, thời gian hoạt động của dự án 50 năm kể từ ngày 17/2.

## Petrolimex (PLX)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- PLX tăng 0.2% lên 56,200 VNĐ/cp.
- PLX thông báo bán tiếp 25 triệu cổ phiếu quỹ từ ngày 1/3 đến 30/3 theo phương thức giao dịch khớp lệnh để bổ sung nguồn vốn kinh doanh và đầu tư phát triển.
- PLX có kế hoạch bán hết toàn bộ lượng cổ phiếu quỹ trong giai đoạn 2020-2021. Nếu bán thành công, doanh nghiệp sẽ giảm lượng cổ phiếu quỹ từ 75 triệu cổ phiếu xuống 50 triệu cổ phiếu.

18/02/2021

Chuyên viên phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng  
Nguyễn Ngọc Hiếu  
hieunn@kbsec.com.vn

### Doanh thu, lợi nhuận 2020 của Hòa Phát đạt kỉ lục

Doanh thu và lợi nhuận quý 4 của Tập đoàn Hòa Phát đạt lần lượt là 25,778 tỉ đồng, và 4,660 tỉ đồng, tăng trưởng lần lượt 43.4% yoy và 142.3% yoy. Cả năm, doanh thu thuần và lợi nhuận của Hòa Phát đạt 90,119 tỉ đồng và 13,056 tỉ đồng, tăng trưởng lần lượt 41.6% yoy và 78.2% yoy. Trong đó mảng sản xuất thép đạt 5.8 triệu tấn, gấp đôi năm 2019.

### Sản lượng HRC tăng mạnh từ 2021

Chúng tôi dự báo sản lượng thép xây dựng của HPG 2021 đạt 3.7 triệu tấn, +9%yoy. Sản phẩm chủ lực của HPG năm 2021 là HRC, được đưa ra thị trường từ tháng 11/2020, sản lượng bán hàng HRC 2020 của HPG đạt 291 nghìn tấn. Tháng 1/2021 sản lượng đạt 252 nghìn tấn. HPG đặt kế hoạch tiêu thụ 2.7 triệu tấn HRC trong năm 2021. Theo đó chúng tôi ước tính sản lượng bán hàng thương mại ra bên ngoài đạt 1.5 triệu tấn, so với mức khoảng vài chục nghìn tấn năm 2020.

### Giá thép dự báo duy trì ở mức cao trong năm 2021, giúp duy trì biên lợi nhuận gộp cao

Từ cuối năm 2020, giá thép tăng mạnh do nhu cầu thế giới hồi phục và sự gián đoạn nguồn cung do dịch bệnh. Từ 3/11/2020 – 5/2/2021, giá bán thép trong nước tăng 30.6% đối với thép cuộn và 31.7% đối với thép cây. Theo đó, chúng tôi ước tính giá bán thép trung bình năm 2021 của HPG tăng 17% so với năm 2020.

### Kỳ vọng lợi nhuận 2021 tăng trưởng 33%, khuyến nghị MUA

Chúng tôi ước tính doanh thu năm 2021 đạt 133,852 tỉ đồng tăng 48.5% yoy, lợi nhuận đạt 17,962 tỉ đồng tăng 33% yoy. Chúng tôi nâng mức giá mục tiêu lên 52,550 VNĐ/CP cùng khuyến nghị MUA, upside 20%.

## Mua Duy trì

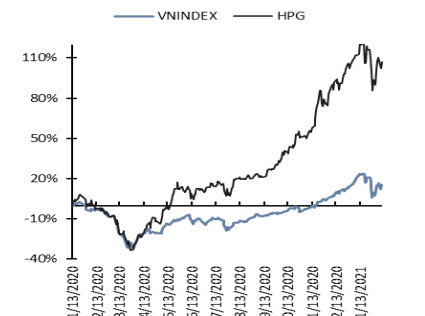
<b>Giá mục tiêu</b>	<b>VNĐ 52,550</b>
Tăng/giảm	20%
Giá hiện tại (Jan 18)	VNĐ 43,850
Giá mục tiêu đồng thuận	VNĐ 49,000
Vốn hóa (nghìn tỉ VNĐ/tỉ USD)	145/6.32

<b>Dữ liệu giao dịch</b>	
Tỉ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	55%
GTGD TB 3 tháng (Tỉ VNĐ/triệu USD)	946.5/41.1
Sở hữu nước ngoài (%)	31.09%

<b>Biến động giá cổ phiếu</b>				
(%)	<b>1M</b>	<b>3M</b>	<b>6M</b>	<b>12M</b>
HPG	-2.22	32.6	78.2	106
VNINDEX	-4.52	17.12	27.2	15.4

### Dự phóng KQKD & định giá

FY-end	2019A	2020A	2021F	2022F
Doanh số thuần (tỉ VNĐ)	63,658	90,119	133,852	142,434
Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh (tỉ VNĐ)	9,031	15,289	20,580	22,122
Lợi nhuận sau thuế (tỉ VNĐ)	7,578	13,506	17,962	19,304
EPS (nghìn VNĐ)	2.74	4.07	5.4	5.8
Tăng trưởng EPS (%)	-32%	49%	32.6%	7%
P/E (x)	15.23	10.22	7.71	7.17
P/B (x)	24.15	23.22	18.32	14.96
ROE (%)	16%	23%	24%	21%
Tỉ suất cổ tức, phổ thông (%)	1.6%	5%	6%	6%



Nguồn: Bloomberg, KBSV

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



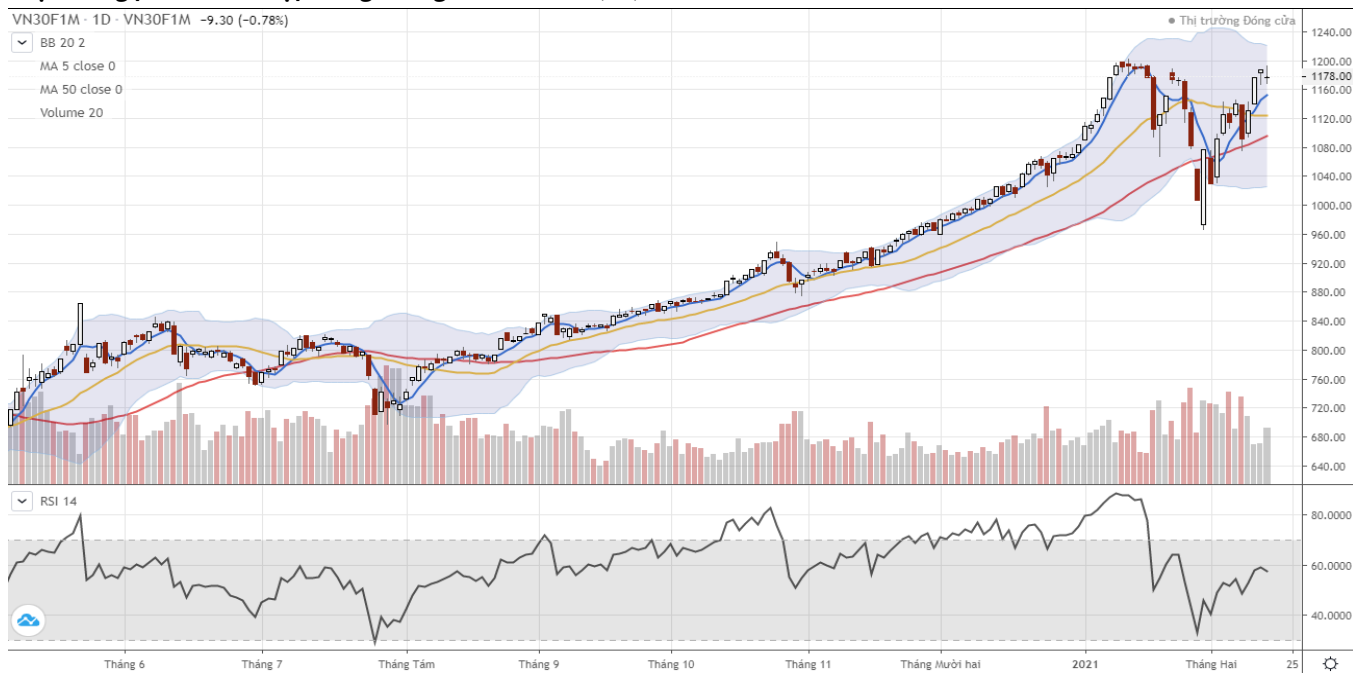
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex mở cửa tiêu cực đầu phiên nhưng đã sớm phục hồi trở lại trước khi diễn biến giằng co về cuối phiên.
- Chúng tôi cho rằng xu hướng tăng chủ đạo của VNIndex vẫn đang được bảo lưu với cơ hội chinh phục đỉnh cũ 1200. Mặc dù vậy, vùng kháng cự gần quanh 1180 (+-5) có thể còn gây ra áp lực rung lắc cho chỉ số trong ngắn hạn.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục duy trì vị thế trung hạn và có thể kết hợp trading 1 phần, đồng thời cân bằng lại vị thế ngắn hạn khi chỉ số tiếp cận vùng cản gần.

## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1197 - 1202

Kháng cự gần: 1184 - 1187

Hỗ trợ gần: 1173 - 1176

Hỗ trợ xa: 1165 - 1169

- F1 tiếp tục diễn biến giằng co và hình thành mẫu nến spinning trung tính trong phiên hôm nay.
- Vùng kháng cự quanh 1200 vẫn tạo ra lực cản và áp lực rung lắc đối với chỉ số nhưng cơ hội vượt đỉnh vẫn đang hiện hữu.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở vị thế LONG tại các nhịp điều chỉnh về quanh hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Tiếp tục nắm giữ vị thế LONG đã mở, chờ gia tăng trạng thái nếu về lại vùng hỗ trợ xa.

*Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.*



# KBSV danh mục đầu tư mẫu

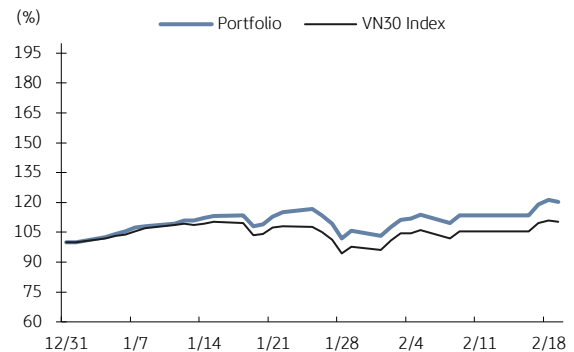
Khối phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.62%	-0.92%
Tăng lũy kế (YTD)	10.26%	20.19%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 19/02/2021	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	137,600	-1.4%	18.7%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	36,650	-0.9%	49.9%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	86,900	-0.7%	13.4%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	26,850	2.5%	58.0%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - Mcredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	58,600	-1.7%	72.4%	- Mảng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	76,600	-2.0%	128.8%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	37,000	0.5%	51.6%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	88,900	-1.3%	21.1%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	43,450	-0.9%	122.3%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbanc City Development (KBC)	09/03/2020	41,600	-3.3%	203.6%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam



# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VHM	-0.1%	22.4%	88.6
VCB	-0.7%	23.7%	75.3
FUEVFNDD	-0.8%	99.7%	63.6
MSN	-0.2%	32.5%	50.0
MBB	2.5%	23.2%	45.5

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VNM	-0.9%	57.9%	-116.2
CTG	0.5%	28.6%	-96.3
HSG	1.0%	10.1%	-54.5
NVL	-1.5%	7.0%	-44.4
PVD	-3.2%	9.1%	-14.5

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
NVB	0.0%	7.1%	0.9
SHS	-0.4%	9.2%	-0.5
BAX	-0.6%	7.9%	0.6
L14	9.0%	0.0%	0.4
PMC	0.2%	17.7%	0.4

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
IDV	0.9%	17.8%	-2.9
PVS	-3.2%	10.4%	-2.0
CSC	9.7%	2.8%	-1.7
BVS	-1.5%	13.3%	-1.6
PLC	-0.7%	2.7%	-0.9

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	13.4%	GVR, DGC
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	7.4%	GAS, POW
Bán lẻ	6.3%	MWG, DGW
Ô tô và phụ tùng	6.1%	TCH, DRC
Dầu khí	6.1%	PLX, PVD

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	1.9%	PNC, YEG
Du lịch và Giải trí	2.2%	SCS, TCT
Y tế	2.7%	DHG, OPC
Công nghệ thông tin	2.8%	ST8, ITD
Bảo hiểm	2.9%	PGI, BMI

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Công nghệ thông tin	10.5%	FPT, SGT
Bán lẻ	7.4%	MWG, DGW
Dầu khí	3.8%	PLX, PVD
Hàng cá nhân & Gia dụng	3.4%	PNJ, GIL
Bất động sản	3.0%	VIC, VHM

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	-9.1%	GVR, PHR
Bảo hiểm	-5.2%	BVH, BMI
Dịch vụ tài chính	-5.1%	FIT, VCI
Ô tô và phụ tùng	-3.9%	TCH, HHS
Truyền thông	-3.7%	PNC, YEG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDm)	GTGD (VNDtriệu, USDm)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	109,000	368,685 (16,020)	157,307 (6.8)	22.5	44.7	31.5	11.1	8.5	11.0	3.5	3.2	-0.9	1.4	6.1	0.7
	VHM	VINHOMES JSC	103,100	339,149 (14,737)	299,177 (13.0)	26.6	10.7	9.0	37.1	30.8	28.8	3.0	2.3	-0.1	3.8	6.5	15.2
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,500	78,395 (3,406)	217,994 (9.5)	17.8	25.3	19.0	-7.6	10.4	12.3	2.6	2.4	-1.0	5.5	-7.5	9.9
	NVL	NO VA LAND INVES	80,300	85,435 (3,712)	254,717 (11.1)	31.3	19.8	17.8	6.4	12.1	11.5	2.6	2.2	-1.5	0.1	16.0	23.1
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	33,900	18,944 (823)	45,599 (2.0)	11.6	15.3	10.3	17.7	15.1	19.4	2.1	1.8	-1.2	3.5	6.3	15.7
	DXG	DAT XANH GROUP	24,150	12,517 (544)	207,535 (9.0)	13.9	10.8	7.8	-	17.0	19.6	1.6	1.3	-0.6	7.3	39.6	51.4
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	101,300	375,709 (16,325)	144,329 (6.3)	6.3	18.7	14.8	17.8	19.9	21.2	3.2	2.7	-0.7	1.3	2.3	3.5
	BID	BANK FOR INVESTM	44,100	177,371 (7,707)	78,114 (3.4)	12.7	19.0	12.6	4.9	12.2	15.4	2.0	1.8	1.6	5.5	-2.5	-7.9
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,700	135,640 (5,894)	623,152 (27.1)	0.0	9.9	8.7	14.4	17.2	16.5	1.6	1.3	-0.5	6.6	14.2	22.9
	CTG	VIETNAM JS COMM	37,000	137,766 (5,986)	352,915 (15.3)	1.4	10.3	8.2	61.0	15.3	16.0	1.4	1.2	0.5	3.4	3.1	7.1
	VPB	VIETNAM PROSPERI	40,600	99,663 (4,331)	243,206 (10.6)	0.0	9.2	8.1	18.8	18.8	17.6	1.6	1.3	-1.7	9.7	19.8	24.9
	MBB	MILITARY COMMERC	26,850	75,147 (3,265)	443,808 (19.3)	0.0	7.7	6.5	14.6	18.7	19.0	1.3	1.1	2.5	8.5	10.0	17.8
	HDB	HDBANK	25,550	40,721 (1,769)	96,229 (4.2)	4.2	7.6	6.6	23.4	19.0	18.5	1.3	1.1	0.2	6.0	0.8	7.6
	STB	SACOMBANK	18,700	33,728 (1,466)	486,031 (21.1)	14.0	14.3	9.8	32.4	8.6	11.1	1.1	1.0	0.5	2.2	-2.6	10.7
	TPB	TIEN PHONG COMME	27,700	28,577 (1,242)	60,103 (2.6)	0.0	7.9	6.6	37.5	19.9	19.7	1.4	1.2	-0.5	3.7	-0.9	3.4
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	16,245 (0.7)	0.2	30.5	24.1	27.3	4.4	5.3	1.3	1.3	0.0	3.4	-8.4	-3.9	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,500	45,653 (1,984)	50,957 (2.2)	21.0	29.3	25.6	15.2	8.1	8.6	2.2	2.1	-0.6	2.5	-5.4	-6.8
	BMI	BAOMINH INSURANC	26,650	2,435 (106)	11,951 (0.5)	14.2	12.8	10.5	8.4	9.4	11.1	1.0	1.0	-0.2	1.7	-9.7	-12.9
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	33,150	19,857 (863)	428,464 (18.6)	55.4	17.1	15.1	0.0	11.6	12.0	-	-	-0.5	5.2	-1.9	0.2
	VCI	VIET CAPITAL SEC	55,800	9,240 (402)	66,909 (2.9)	71.9	12.0	-	-4.0	15.5	-	-	-	1.5	3.0	-7.8	-4.1
	HCM	HO CHI MINH CITY	29,050	8,861 (385)	147,245 (6.4)	52.4	16.7	-	-19.0	14.6	-	-	-	-0.5	3.8	-6.3	-7.5
	VND	VNDIRECT SECURIT	27,600	5,755 (250)	121,941 (5.3)	27.2	-	-	36.7	11.2	-	-	-	0.4	4.7	-3.3	-8.0
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	108,000	225,715 (9,808)	314,762 (13.7)	42.1	19.8	18.3	4.0	37.5	37.0	6.6	5.7	-0.9	-1.5	0.3	-0.7
	SAB	SAIGON BEER ALCO	191,700	122,934 (5,342)	39,441 (1.7)	36.9	23.2	20.1	7.3	25.4	26.3	5.3	4.8	-0.4	5.4	-0.7	-1.7
	MSN	MASAN GROUP CORP	94,900	111,477 (4,844)	195,948 (8.5)	16.5	42.9	27.9	-51.9	11.4	18.4	3.9	4.2	-0.2	5.9	4.4	6.7
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,500	13,857 (602)	78,829 (3.4)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	0.4	12.6	13.5	-14.1
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,000)	85,915 (3.7)	11.0	44.7	21.0	-88.3	14.1	18.3	4.2	3.7	0.0	0.5	3.0	5.4
	GMD	GEMADEPT CORP	33,500	10,096 (439)	100,920 (4.4)	10.8	22.4	16.8	-57.3	7.5	9.5	1.6	1.5	1.2	8.1	3.1	2.8
	CII	HO CHI MINH CITY	21,800	5,207 (226)	53,101 (2.3)	38.4	10.8	7.2	78.0	8.9	12.0	0.9	0.9	-3.5	4.3	-5.2	1.9
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,570	2,026 (088)	119,658 (5.2)	46.4	-	-	-89.3	-	-	-	-	-2.7	-8.9	-1.9	41.1
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	21,850	10,531 (458)	114,609 (5.0)	37.7	12.6	7.8	-13.8	12.4	17.5	-	-	1.2	4.3	-1.6	-2.9
	CTD	COTECCONS CONSTR	72,900	5,415 (235)	68,623 (3.0)	3.6	10.3	10.4	-43.9	6.4	6.5	0.6	0.7	-0.4	2.1	-6.9	-6.2
	REE	REE	58,600	18,110 (787)	52,743 (2.3)	0.0	10.6	9.5	-4.5	14.2	13.7	1.4	1.3	-1.7	9.5	11.0	19.7

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND triệu, USD mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiền ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	88,900	170,150 (7,393)	97,875 (4.2)	46.1	17.1	16.2	-18.6	19.8	20.5	3.4	3.3	-1.3	9.5	4.6	2.7
	NT2	PETROVIETNAM NHO	23,000	6,621 (288)	16,134 (0.7)	31.4	9.7	8.2	-10.5	16.9	20.3	1.6	1.6	0.7	-0.2	-2.5	-6.5
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,450	8,480 (368)	13,348 (0.6)	34.1	11.5	11.1	-5.3	11.2	12.4	1.4	1.4	1.0	3.3	5.8	8.2
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	43,450	143,962 (6,255)	1,148,201 (49.8)	18.0	9.5	8.2	25.2	23.0	22.3	2.1	1.7	-0.9	2.2	4.4	4.8
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,450	6,829 (297)	36,961 (1.6)	36.5	10.6	12.0	0.2	8.9	7.5	0.8	0.8	0.3	7.1	-6.7	-7.2
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,800	7,306 (317)	41,846 (1.8)	46.5	17.0	15.9	-4.3	7.8	8.2	1.2	1.2	1.1	7.0	-3.2	-1.4
	HSG	HOA SEN GROUP	25,150	11,174 (486)	249,145 (10.8)	38.9	9.1	7.8	67.9	17.1	16.1	1.5	1.2	1.0	4.8	3.1	13.5
	AAA	AN PHÁT BIOPLAST	14,300	3,171 (138)	35,880 (1.6)	97.2	9.2	10.1	21.9	10.6	9.6	0.9	0.9	1.1	7.9	-0.7	-0.7
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,200	68,497 (2,976)	57,653 (2.5)	4.6	20.9	17.8	-49.7	15.0	16.1	2.7	2.7	0.2	7.7	6.0	2.9
	PVD	PETROVIETNAM DRI	22,650	9,539 (414)	266,598 (11.6)	39.9	51.1	25.1	-11.9	1.2	2.7	0.7	0.7	-3.2	13.5	5.1	39.8
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,400	5,632 (245)	128,533 (5.6)	35.9	10.6	9.9	-0.1	10.4	10.3	0.9	0.9	-2.8	4.8	4.8	24.3
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	137,600	64,139 (2,787)	220,916 (9.6)	0.0	12.7	10.0	13.7	28.0	28.5	3.1	2.6	-1.4	5.4	14.7	15.7
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	86,900	19,758 (859)	60,272 (2.6)	0.0	16.4	12.9	7.0	23.0	23.9	3.4	2.7	-0.7	3.6	10.0	7.3
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,500	1,267 (055)	3,188 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	0.5	1.5	-6.9	-12.1
	FRT	FPT DIGITAL RETA	29,150	2,302 (100)	44,903 (1.9)	30.3	18.1	13.8	-75.2	9.2	13.4	1.9	1.8	3.4	8.0	-8.8	-8.9
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,500	8,333 (362)	60,486 (2.6)	34.6	8.7	15.6	41.1	32.6	16.9	2.4	2.5	-0.6	4.9	-8.9	-2.4
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	1,517 (0.1)	45.4	17.1	16.6	10.7	20.7	20.1	3.2	3.0	0.0	-0.5	-2.6	-3.6
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,300	6,023 (262)	176 (0.0)	11.7	-	-	1.7	-	-	-	-	0.1	8.5	8.8	5.0
IT	FPT	FPT CORP	76,600	60,047 (2,609)	218,952 (9.5)	0.0	15.3	12.5	15.5	25.6	26.8	3.3	3.0	-2.0	5.1	23.5	29.6

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

---

**Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình**

binhnx@kbsec.com.vn

### **Phân tích Ví mô & Chiến lược Thị trường**

**Giám đốc Kinh tế Ví mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh**

anhhd@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Ví mô – Thái Thị Việt Trinh**

trinhhtt@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng**

tungla@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp – Trần Thị Phương Anh**

anhhttp@kbsec.com.vn

### **Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)**

**Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu**

hieudd@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng**

tungna@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga**

ngaphb@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Nguyễn Ngọc Hiếu**

hieunn@kbsec.com.vn

### **Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)**

**Giám đốc Phân tích Khách hàng Quốc tế (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim**

harrison.kim@kbf.com

**Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung**

dungdpp@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Thủy sản – Nguyễn Thanh Danh**

danhnt@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

---

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

### LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)

Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

---

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.